

I. Read the text and fill in the blanks with the correct form of “to be”.

My family and I are very happy. We (1).....going to visit my cousins next week. Our cousins live near the beach, so they (2).....going to take us to the beach everyday. I (3).....going to swim in the sea. My brother doesn't like swimming. He (4).....going to play volleyball on the beach. Mum is happy because she (5).....going to read her new book. We (6).....going to have a great holiday.

II. Read and match

- | | |
|-------------------|--------------|
| 1. This is | a. is Tom |
| 2. She's | b. Tessa |
| 3. She's got long | c. of toys |
| 4. She's got lots | d. hair |
| 5. She's got | e. a brother |
| 6. His name | f. nine |

III. Complete the sentence with “in/ on/ at”

1. My birthday is.....the fifteenth of March.
2. The new school year starts.....September.
3. We give our teachers lots of flowers.....Teachers' Day.
4. My mum cleans the house.....the afternoon.
5. The children areschool from Monday to Friday.
6. Tet holiday celebrates.....January.
7. I get up.....6 o'clock.
8. My mother teaches.....a primary school.

IV. Translate into English.

1. Ông ấy làm nghề gì? – Ông ấy là 1 công nhân.

.....

2. Lan và Hoa, ai cao hơn?

.....

3. Bố tôi thích nghe nhạc.

.....

4. Bạn có muốn đi picnic cùng chúng tớ không? - Có, tớ rất thích.

.....

a. Bạn sẽ đi Nha Trang tuần sau phải không?

.....

b. Hãy đến rạp chiếu phim đi.

.....

c. Tại sao Dương muốn đi siêu thị?

.....

d. Vì cô ấy muốn mua một ít rau và quả.

.....

e. Đôi giày này giá bao nhiêu? – 500.000 đồng.

.....

f. Số điện thoại của anh ấy là gì?

.....

g. Họ muốn xem con vật gì?

.....

h. Châu không thích cá sấu vì chúng đáng sợ.

.....

i. Dương thích kangaroo vì chúng nhanh nhẹn.

.....

j. Bạn định làm gì cuối tuần này?

.....

k. Tớ sẽ đến thăm ông bà tớ.

.....

l. Bạn định đi đâu mùa hè này?

.....

m. Tớ sẽ đi Nha Trang cùng gia đình tớ.